ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LÂM HÀ

(Kèm theo Quyết định số: 54 /2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2.

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I	**THỊ TRẤN ĐINH VĂN**	
1	**Quốc lộ 27**	
-	Từ giáp Bình Thạnh đến Cống Xoan	524
-	Từ Cống Xoan đến ngã ba Gia Thạnh (thửa 91,TBĐ 73)	785
-	Từ ngã ba Gia Thạnh (hết thửa 91, TBĐ 73) đến ngã ba Đoàn Kết (thửa số 201 tờ bản đồ 69)	1.047
-	Từ ngã ba Đoàn Kết (hết thửa 201,TBĐ 69) đến đường vào tổ 4 Văn Tâm (thửa số 367, TBĐ 63)	1.500
-	Từ đường vào tổ 4 Văn Tâm (hết thửa 367, TBĐ 69) đến cầu Cổ Gia (thửa 587,TBĐ 63)	1.800
-	Từ cầu Cổ Gia (hết thửa 587, TBĐ 62) đến ngã ba Bưu điện (hết thửa 331,TBĐ62)	2.500
-	Từ ngã ba Bưu Điện huyện(hết thửa 331, TBĐ 62) đến ngã tư Quyền Lưỡng hết đất ông Thăng (thửa 366, TBĐ 61)	3.000
-	Từ nhà ông Quyền Lưỡng (thửa 903, TBĐ 61) đến hết đất bà K' Duyên (thửa 199, TBĐ 61)	3.500
-	Từ hết đất bà K' Duyên (hết thửa 199, TBĐ 61) đến cổng Kiểm Lâm	3.000
-	Từ cổng Kiểm Lâm đến hết đất Hà Khoa (thửa 103, tờ BĐ 59)	2.800
-	Từ hết đất Hà Khoa (thửa 103,TBĐ 59) đến ngã ba (đại lý vật liệu Lâm Hà, thửa số 222,TBĐ 56)	1.800
-	Từ ngã ba (đại lý vật liệu Lâm Hà, hết thửa 222, TBĐ 56) đến giáp xã Đạ Đờn.	1.500
2	**Tỉnh Lộ 725**	
-	Từ ngã ba Sơn Hà đến cổng hết đất ông Trường (thửa số 1077, TBĐ 58)	1.044
-	Từ cổng hết đất ông Trường (thửa số 1077, TBĐ số 58) đến cầu Tân Văn	782
3	**Đường Đinh Văn - Ba Cảng**	
-	Từ ngã ba Quảng Đức đến hết Trường tiểu học Đinh Văn V	1.311
-	Từ hết trường TH Đinh Văn V tới ngã ba nhà ông Miền (thửa số 12, tờ BĐ 71)	1.049

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Từ ngã ba nhà ông Miền (hết thửa số 12, tờ BĐ 71) đến hết cống ông Hữu (thửa số 46, tờ BĐ 76)	794
-	Từ hết cống ông Hữu (hết thửa số 46, tờ BĐ 76) đến hết đất ông Thành (thửa số 270, tờ BĐ 82)	662
-	Từ hết đất ông Thành (hết thửa số 270, tờ BĐ 82) đến ngã ba chợ Hòa Lạc (giáp thửa 304, TBĐ 86)	441
-	Từ ngã ba chợ Hòa Lạc (thửa 304, TBĐ 86) đến cầu Hòa Lạc	331
-	Từ cầu Hòa Lạc đến giáp Đức Trọng	300
4	**Đường nhánh của tổ dân phố**	
4.1	Đường nhánh Xoan - Đa Huynh	120
4.2	Đường nhánh Cô Gia	120
4.3	Đường nhánh Bồ Liêng-Re Nhắc	120
4.4	Đường nhánh Pot Pe-Con Tách Đăng	120
4.5	Đường nhánh TDP Gia Thạnh	120
4.6	Đường nhánh Hòa Lạc	120
4.7	Đường nhánh Đa Rơ Măng - Bang Pung	120
5	**Các nhánh của tuyến QL 27**	
5.1	Từ nhà ông Thông kiểm lâm (thửa số 116, TBĐ số 78) Gia Thạnh đến hết đường	120
5.2	Từ nhà ông Tâm Gia Thạnh (thửa số 107, TBĐ số 78) đến hết đường	159
5.3	Từ ngã ba Gia Thạnh đến hết đường	
-	Từ ngã Gia Thạnh (thửa 90, TBĐ 73) đến cống N1-11	259
-	Từ cống N1-11 đến ngã tư xạc bình (thửa 151, TBĐ 52)	209
5.4	Đường từ cơ quan cầu đường đến đường Đinh Văn - Ba Cảng	
	- Từ cầu đường - kênh N1-11	209
	- Từ kênh N1-11 đến hết đường (thửa 196, TBĐ 72)	158
5.5	Đường từ nhà bà Gléo (thửa số 493, TBĐ 69) khu phố Cô Gia đến hết đường	209
5.6	Đường từ nhà ông Hường (thửa số 201, TBĐ 68) đến hết đường	256
5.7	Đường từ nhà ông Tú (thửa số 121, TBĐ 68) đến hết đường	256
5.8	Đường từ nhà ông Thìn (thửa số 74, TBĐ 68) đên hết đường	256
5.9	Đường từ VLXD Mai Toản (thửa số 556, TBĐ 63) đến hết đường	256
5.10	Đường từ Cổ Gia đến hết nhà ông Lộc (thửa 401, TBĐ 63)	209
5.11	Đường từ nhà bà Nhuận (bưu điện) thửa 463, TBĐ 62 đến nhà ông Táu (thửa 123, TBĐ 66)	
	- Đường từ QL 27 đến hết đất nhà ông Hòa (thửa 26, TBĐ 66)	256
	- Đoạn còn lại (hết thửa 26, TBĐ 66 đến hết đường)	206
5.12	Đường vào trụ sở UBND huyện	
	- Từ QL 27 đến ngã ba vào khu phố Se Nhắc	2.076
	- Từ ngã ba vào khu phố Se Nhắc đến ngã ba (Quán Phô tô) thửa số 629,TBĐ số 61	1.457
	- Đường từ ngã ba khu phố Sê Nhắc đến hết đất ông Phạm Mâu (thửa 790, TBĐ 61)	313

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	- Từ hết quán pho to (thửa 629, TBĐ 61) đến hết đường	313
	- Từ Trụ sở thanh tra Huyện đến hết đất ông Nguyễn Thanh Mẫn (thửa 62, TBĐ 66)	313
5.13	Đường từ đại lý Bình (thửa 130, TBĐ 61) Bồ Liêng đến hết đường	209
5.14	Đường từ ngã ba Long Hương (thửa số 324, TBĐ 59) - sông Đa Dâng	
	- Từ QL 27 đến hết đất ông Tân, ngã ba đi senhắc (thửa 179, TBĐ 61)	313
	- Đoạn còn lại (hết thửa 179, TBĐ 61 đến hết đường)	256
5.15	Đường từ nhà ông Quý (QL 27) thửa số 104, TBĐ số 68 vào hết khu phố Riông Se	
	-Từ kênh N1-9- hết đất nhà ông Sỹ (thửa số 304, TBĐ số 21)	206
	- Đoạn còn lại (hết thửa 304, TBĐ 21 đến hết đường)	156
5.16	Đường từ nhà ông Chiến (thửa số 424 TBĐ số 68) đên đập tràn	256
5.17	Đường từ nhà bà Phương (thửa số 17, TBĐ số 64) đến hết đường vào đồi độc lập tổ 6 Văn Tâm	206
5.18	Đường từ QL 27 đi đập tràn	
	- Từ hết đất ông Kim (QL 27) thửa số 83, TBĐ số 63-ngã tư	359
	- Từ ngã tư đên đập tràn	306
5.19	Đường từ nhà ông Ba cà phê (thửa số 582, TBĐ số 63) đường đi đập tràn (thửa số 02, TBĐ số 63)	206
5.20	Đường từ nhà ông Niên (thửa số 349, TBĐ số 62) - giáp đất ông Cảnh (thửa số 196, TBĐ số 62)	409
5.21	Đường từ hết đất ông Trần Đức Hải (thửa 331, TBĐ 62) đến kênh tiêu	559
5.22	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Quế (thửa số 101, TBĐ số 62) đến nhà ông Hòa bến xe	256
5.23	Đường từ hết ông Lanh (thửa số 245, TBĐ số 62)- mương tiêu	619
5.24	Đường từ VLXD sang (thửa số 150, TBĐ số 62)- mương tiêu	675
5.25	Đường từ quán Quyền Lượng (thửa số 150, TBĐ số 62) - mương tiêu (phía đông chợ Lâm Hà)	1.550
5.26	Đường từ Ngân Hàng - mương tiêu	682
5.27	Đường từ ngã 4 Long Hương (thửa số 266, TBĐ số 59) - ruộng khu phố Bồ Liêng	313
5.28	Đường từ VLXD Lâm Hà đến hết đường vào xóm ông Du Hành	258
5.29	Đường từ nhà ông Trác (thửa số 01, TBĐ số 56 (giáp trạm giống) - đến nghĩa trang dân tộc khu phố Bồ Liêng - Se Nhắc	
	- Từ hết đất nhà ông Dui đến cống N1 - 1	209
	- Cống N1-1 đến nghĩa trang dân tộc	120
5.30	**Đường từ ngã bà bệnh viện đi đoàn kết**	
-	Từ hết nhà ông Hiện QL 27 đên hết cống N1-9	353
-	Cống N1-9 đến ngã ba ông Tống Văn Dũng (thửa số 400, TBĐ số 27)	259
-	Đoạn còn lại	120
5.31	**Đường đi ngã ba Nam Hà**	
-	Từ hết đất nhà ông Bùi Thanh Chương đến nghĩa trang TT Đinh Văn	256

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Đoạn còn lại	150
6	**Đường nhánh của Đinh Văn - Ba Cảng**	
6.1	Đường từ nhà ông Hào (thửa số 499, TBĐ số 63) - hết đường	140
6.2	Đường từ nhà ông Nguyễn Thanh Trúc (thửa 248,TBĐ 71)-hết đường	140
6.3	Đường từ nhà ông Hồ Đức Vinh (thửa 118,TBĐ 76)-hết đường	140
6.4	Đường từ nhà ông Ha Pút B (thửa 37,TBĐ 81)-hết đường	105
6.5	Đường từ nhà ông Minh Hoàng (thửa 51,TBĐ 82)-hết đường	105
6.6	Đường từ nhà ông Nhung (thửa 285,TBĐ 84)-hết đường	105
6.7	Đường từ nhà ông Trần Đình Hạ (thửa số 297, TBĐ số 67) - hết đường	159
6.8	Đường từ trường Đinh Văn V (thửa 154, TBĐ 67) đến hết đường	159
6.9	Đường từ nhà ông Đinh Văn Tiến (thửa 331, TBĐ 67) đến hết đường	159
6.10	Đường từ nhà ông Nguyễn Quang Việt (thửa235, TBĐ67) đến hết đường	159
6.11	Đường từ nhà ông Miền (thửa12, TBĐ 71) đến hết đường	156
6.12	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tuyên (thửa 275, TBĐ 67) đến hết đường	159
6.13	Đường từ nhà bà Khưu Thị Hưu (thửa 317, TBĐ 68) đến hết đường	159
6.14	Đường từ nhà ông Nguyễn Long (thửa 345, TBĐ 68) đến hết đường	159
6.15	Đường từ nhà bà Lê Thị Hậu (thửa 369, TBĐ 68) đến hết đương	159
6.16	Đường từ nhà ông Phương (thửa 96, TBĐ 71) đến hết đường	159
6.17	Đường từ cống ông Hữu (thửa số 46, TBĐ 76) - hết TDP ContáchĐăng	
	- Từ cống ông Hữu (thửa 46, TBĐ 76) đến hết đất nhà ông Trương Đồng (thửa 407, TBĐ 20)	256
	- Từ hết nhà ông Trương Đồng (hết thửa 407, TBĐ) đến hết đất nhà ông Tư Sài Gòn (hết thửa 158, TBĐ 12)	209
	- Từ cống nhà ông Tư Sài Gòn (hết thửa 158, TBĐ 12)-đến sông Đa Dâng	156
6.18	Từ nhà ông Vinh (thửa 118, TBĐ số 76) đến nhà K Hai (thửa 135, TBĐ 76) TDP Văn Hà	104
6.19	Từ nhà ông Diệu (thửa 171, TBĐ số 83) đến hết đường	104
6.20	Đường từ nhà ông Đỗ Văn Dũng (thửa 46, TBĐ 83) - hết đường	104
6.21	Đường từ hết đất bà Liệp (thửa 343, TBĐ 86-cống N1/10)đến hết đường	155
6.22	Đường từ quán ông Vinh (thửa 56, TBĐ 88) đến hết đất ông Lóng (thửa 162, TBĐ 90)	154
6.23	Đườn từ ngã tư xạc bình đến quán ông Hữu Anh (thửa 303, TBĐ 86)	154
7	**Các đường nhánh của TL725**	
7.1	Đường từ ngã ba nhà máy nước đết hết đường	209
7.2	Đường từ ngã ba xưởng cưa ông Huệ đến hết đường.	250
II	**THỊ TRẤN NAM BAN**	
1	**Đất dọc đường tỉnh lộ 725 - Đường Điện Biên Phủ**	
-	Từ giáp xã Mê Linh đến ngã 3 đi trường tiểu học Từ Liêm	331
-	Từ ngã 3 đường vào Trường tiểu học Từ Liêm đến ngã ba đi THCS Từ Liêm	529
-	Từ ngã ba đi trường THCS Từ Liêm đến giáp đất ông Kỳ (hết thửa 286 và 296 TBĐ25)	794
-	Từ đất ông Kỳ (thửa 65 TBĐ25) đến ngã ba Đông Anh II (ông Viên)	1.190

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Từ ngã ba đường Đông Anh II (ông Viên) đến Trạm biến thế điện Thị trấn Nam Ban và hết thửa số 229, TBĐ 36	1.588
-	Từ Trạm biến thế điện Thị trấn Nam Ban và thửa số 230, TBĐ số 36 đến cầu Xay xát (hết thửa 282 và 266 TBĐ 36)	1.190
-	Từ cầu Xay xát (thửa 281 và 267 TBĐ 36) đến ngã 4 đường đi vào khu Chi Lăng - Thành Công(ngã tư nông trường 4 cũ)	794
-	Từ ngã 4 (nông trường 4 cũ) đến trụ sở UBND TT Nam Ban hiện nay (ngã ba cổng TDP văn hóa Ba Đình)	926
-	Từ ngã ba cổng văn hóa Ba Đình đến Gia Lâm	1.323
2	**Đất trục đường liên xã**	
2.1	Ngã ba Đông Từ đến ngã 4 Hùng Vương	154
	Từ ngã 4 Hùng Vương đến giáp xã Đông Thanh	103
2.2	Đoạn từ ngã 4 NT4 cũ đến ngã ba đường vào xóm bắc Hà (chi Lăng III)	110
	Từ ngã ba vào xóm Bắc Hà (Chi Lăng III) đến ngã 3 Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi)	95
	Từ ngã ba Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi) đến dốc võng (giáp xã Nam Hà)	94
2.3	Từ bùng binh đường ĐT 725 đến cổng chùa Linh Ẩn	595
	Từ cổng chùa Linh Ẩn đến đỉnh dốc công an (đường xuống Thác Voi)	159
	Từ đỉnh dốc công an đến đến ngã ba Chi lăng 2 (đi Nam Hà-Thác voi)	93
2.4	Đường từ ngã ba Nông trường 4 cũ đến cầu Thanh Trì (giáp xã Đông Thanh)	139
3	**Đường Liên Thôn khu TDP**	
3.1	Đường từ ngã ba ĐT 725 đến trường tiểu học Từ Liêm	136
3.2	Từ trường tiểu học Từ Liêm đến hồ Từ Liêm.	99
3.3	Đường từ ngã 4 Hùng Vương đến cầu Đông Anh 3.	99
3.4	Đường từ ngã 3 Đông Thanh II (Nhà ông Viên) đến ngã 3 Liên Do (thửa 170 BĐ 22)	248
3.5	Đường từ ngã ba (cổng nhà văn hóa TDP Đông Anh I xuống sình 78 Đông Anh 1) đến trường tiểu học Nam Ban II	462
3.6	Đường từ tiểu học Nam Ban II đến hồ Bãi Công TDP Thành Công	99
3.7	Đường từ sau chợ Thăng Long cạnh nhà bà Đĩnh (thửa số 451, TBĐ số 08) tới ngã ba giáp đất nhà ông Bùi Đức An Đông Anh II	103
3.8	Đường rừ ngã ba đối diện cổng trường tiểu học Nam Ban I đường liên khu Trưng Vương - Thăng Long đến cổng vào TDP văn hóa Trưng Vương (Phân viện Nam Ban)	206
3.9	Đường từ ngã 3 Chi Lăng I giáp đường xuống hồ Bãi Công đến Bãi Công - Thành Công.	99
3.10	Đường từ ngã 4 vào trường mầm non II đến chùa Linh Ẩn (đường liên khu Ba Đình)	216
3.11	Đường từ TDP văn hóa Ba Đình vào trường THPT Thăng Long	277
3.12	Đường từ ngã ba cổng văn hóa TDP Bạch Đằng đến ngã 3 đường liên TDP Bạch Đằng - Thăng Long.	132

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
3.13	Đường từ ngã ba xóm Hà Bắc đến giáp xã Mê Linh	83
3.14	Đường từ ngã ba nhà ông Hữu (thửa số 79, tờ BĐ 19) đến ngã ba đi xóm Hà Bắc (cạnh Nhà trẻ TDP Chi Lăng III)	88
3.15	Đường từ hồ Bãi Công đến đến giáp xã Mê Linh	88
3.16	Đường từ ngã ba (sân bóng Chi Lăng II - III) đến ngã ba đường đi Nam Hà.	83
3.17	Đường từ ngã ba nhà ông Sắc đến ngã ba giáp đất nhà ông An Đông Anh II	99
3.18	Đường từ ngã ba giáp nhà ông An Đông Anh II đến giáp xã Đông Thanh	66
3.19	Đường từ ngã ba giáp nhà ông Luân - Hiếp đến hồ Từ Liêm	132
3.20	Đường từ ngã ba trường THCS Từ Liêm đến ngã ba đi Đông Anh I , hồ Từ Liêm	132
3.21	Đường từ hồ Từ Liêm đến đường liên TDP Đông Anh I	66
3.22	Đường từ ngã ba giáp quán sửa xe ông Cấn Đình Dũng đến Trường TH Nam Ban II	416
3.23	Đường ngã ba giáp nhà ông Hễ (thửa số 137, tờ BĐ 31) đến ngã ba giáp đất nhà ông Tuyển (thửa số 182, TBĐ 31)	66
3.24	Đường từ ngã ba nhà văn hóa Bạch Đằng đến thửa số 231 TBĐ 33 (Sình 78 khu Đông Anh I)	66
3.25	Từ ngã ba đất nhà ông Trần Quang Cải (thửa 01 tờ BĐ 11) đến Hồ Từ Liêm 2	69
3.26	Từ ngã ba TL 725 nhà Tình - Hải (thửa số 44 tờ BĐ 12) đến ngã ba TL 725 nhà văn hóa Từ Liêm 1	69
3.27	Từ ngã ba TL 725 nhà văn hóa Từ Liêm 2 đến giáp xã Mê Linh	88
3.28	Từ cầu Đông Anh 3 đến giáp xã Mê Linh	69
3.29	Từ ngã ba TL 725 nhà Cúc - Ánh (thửa số 102 tờ BĐ 25) đến ngã ba trường TH Nam Ban 2	96
3.30	Từ ngã ba Hồ Văn Bảo (thửa số 166 tờ BĐ 38) đến đỉnh dốc ông Tải (Thửa số 136 tờ BĐ 43)	88
3.31	Từ ngã ba Tl 725 nhà Trung -Thanh (thửa số 67 tờ BĐ 51) đến ngã ba nhà ông Toản - Thước (thửa số 311 tờ BĐ 51)	138
3.32	Tờ ngã ba TL 725 giáp trụ sở UBND TT Nam Ban đến giáp xã Gia Lâm (Cầu Treo)	176
3.33	Từ ngã 4 trường Mầm non 2 đến ngã ba nhà ông Đỗ Văn Lộc (thửa số 3 BĐ 56)	110
3.34	Từ ngã ba nhà tình nghĩa (thửa số 194 tờ BĐ 41) đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Hùng (thửa số 56 tờ BĐ 40)	69
3.35	Từ ngã ba nhà văn hóa Chi Lăng 1 đến nhà ông Trần Như Nhung (thửa số 459 BĐ 20)	69
3.36	Từ ngã ba đường liên xã nhà bà Thảo (thửa số 01 BĐ 33) đến nhà ông Lực (thửa số 285 BĐ 20)	69
3.37	ngã ba đường liên xã nhà bà Tuyết Hợi đến Hồ bà Huân	69
3.38	Từ ngã ba nhà văn hóa Chi Lăng 2 đến ngã 3 Vinh - Dừa (thửa 161 BĐ 31)	69
3.39	Từ ngã ba nhà ông Tình đến đất nhà ông Bùi Văn Tuấn (thửa 55 BĐ 31)	69

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
3.40	Từ ngã ba nhà ông Vũ Văn Vượng (thửa 265 BĐ 16) đến đất nhà ông Nguyễn Văn Trọng (thửa số 31 BĐ 17)	69
3.41	Từ ngã ba TL 725 nhà ông Lê Thế Bời đến đất nhà ông Lê Phú Tiềm	104
3.42	Từ ngã ba nhà Liên Do (thửa số 170 BĐ 22) đến ngã 4 Hùng Vương (đi Đông Anh 3 -xã Đông Thanh)	154
3.43	Từ ngã ba nhà Lê Trung Kiên (thửa số 22 BĐ 22) đến ngã ba nhà ông Cao Xuân Khải (thửa số 6 BĐ 9)	69
3.44	Đường bê tông khu dân cư sân bóng (cũ) - (phê duyệt giá đất tại QĐ 1902/QĐ UBND)	953

II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2.

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I	**XÃ TÂN VĂN**	
*	**Khu vực 1**	
1	**Đường TL 725**	
-	Từ cầu Tân Văn đến ngã ba trại giống	1.333
-	Từ nhà ông Lễ(thửa 923, TBĐ 16) tới cầu cơ giới	926
-	Từ cầu cơ giới tới nga ba nghĩa trang xã Tân Văn	397
-	Từ ngã ba nghĩa trang Tân Văn tới trụ sở thôn Tân Thành (thửa số 32, TBĐ 41)	140
-	Từ trụ sở thôn Tân Thành tới ngã ba Phúc Tân-Tân Hà	397
-	Từ đầu cầu sắt cũ đến ngã ba khu tập thể giáo viên	1.111
2	**Đường Tân Văn - Phúc Thọ**	
-	Từ trạm xá xã Tân Văn tới nga ba đi Tân Lin	794
-	Từ ngã ba Tân Lin tới ngã ba Tân Hòa	397
-	Từ ngã ba Tân Hòa tới nga ba Tân Đức	317
-	Từ ngã ba Tân Đức tới ngã ba Tân Thuận	198
-	Từ ngã ba Tân Thuận tới giáp ranh xã Phúc Thọ	119
*	**Khu Vực 2**	
1	Đường liền kề khu trung tâm trụ sở UBND xã (vòng sau trụ sở UBND xã - khu tập thể giáo viên)	410
2	Đường từ ngã ba Tân Lin tới cầu máng	159
3	Đường từ ngã ba Trại giống tới cầu khỉ giáp huyện Đức Trọng	
-	Từ ngã ba Trại giống tới hội trường thôn Hà Trung	137
-	Từ hội trường thôn Hà Trung tới nhà ông Hoàng Thành Đô (thửa 226,TBĐ32)	106
-	Từ hết nhà ông Hoàng Thành Đô tới cầu khỉ giáp Đức Trọng	80
4	Đường từ ngã ba ông Sự đến hội trường thôn Mỹ Hòa (thửa 332, TBĐ 19)	150
5	Đường thôn Tân An đi Tân Thuận	
-	Từ Cầu Tân An tới hội trường thôn Tân Hòa (thửa số 1351,TBĐ22)	80
-	Từ Hội trường thôn Tân Hòa (hết thửa số 1351,TBĐ 22) tới ngã ba Tân Thuân	80

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
6	Đường Tân Tiến đi Tân An (hết đất nhà Oanh Thắng, thửa 1354, TBĐ22 đến giáp đất nhà Phước Yến, thửa 69, TBĐ 15)	80
*	**Khu vực 3**	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	53
-	Còn lại	47
II	**XÃ TÂN HÀ**	
*	**Khu vực 1**	
1	**Đường TL 725**	
-	Từ giáp xã Tân Văn tới ngã ba Phúc Hưng	393
-	Từ ngã ba Phúc Hưng tới ngã ba đi thôn Phúc thọ 1	500
-	Từ ngã ba đi thôn Phúc Thọ 1 tới ngã ba đi xã Phúc Thọ	837
-	Từ ngã ba đi xã Phúc Thọ tới Phân Viện Y tế	1.191
-	Từ Phân viện Y tế tới ngã ba cây xăng ông Bạ	1.728
-	Từ Ngã ba cây xăng ông Bạ (hết thửa số 189, TBĐ02) tới ngã ba đường lên chùa Hà Lâm	1.997
-	Từ Ngã ba lên chùa Hà Lâm tới đất ông Nguyễn Văn Tình (thửa số 89,TBĐ 04)	1.594
-	Từ đất ông Tình (hết thửa số 89,TBĐ 04) tới cổng trường C1 Tân Hà	1.191
-	Từ cổng trường C1 Tân Hà (hết thửa số 145 và 156,TBĐ 04) đến cổng trường C2 Tân Hà	898
-	Từ Cổng trường C2 Tân Hà (hết thửa số 115 và 51 TBĐ 07) đến ngã ba đi Đan Phượng (thửa 405 và thửa 548)	556
-	Từ ngã ba đi Đan Phượng đến giáp xã Liên Hà	387
2	**Đường Tân Hà - Hoài Đức - Liên Hà (TL 725 mới)**	
-	Từ ngã tư Tân Hà (thửa 35, 82) tới ngã ba cổng thôn Tân Đức	1.989
-	Từ ngã ba Tân Đức tới ngã ba Nhà Thờ (thửa 115)	1.340
-	Từ ngã ba Nhà thờ (hết thửa 115) tới cột điện trung thế số 286/128/10	614
-	Từ cột điện trung thế 286/128/10 tới cột điện trung thế số 286/128/51	393
-	Từ cột điện trung thế 286/128/51 tới ngã ba Trần Quốc Toản	497
-	Từ ngã ba Trần Quốc Toản (thửa 24,TBĐ 27) tới giáp xã Liên Hà	336
3	**Đường đi xã Phúc Thọ**	
-	Từ giáp TL 725 (thửa 331,TBĐ02) tới ngã ba Nghĩa trang (thửa số 162,160, TBĐ02	544
-	Từ ngã ba Nghĩa trang tới ngã ba thôn Thạch Thất II (thửa 107, 111, TBĐ 03)	336
-	Từ ngã ba thôn Thạch Thất II tới giáp xã Phúc Thọ	269
4	**Đường đi xã Đan Phượng**	
-	Từ giáp TL 725 (cũ) tới giáp xã Đan Phượng	198
*	**Khu vực 2**	
1	**Các đường nhánh thôn Liên Trung**	
1.1	Đoạn giáp xã Tân Văn tới thôn Thạch Thất II (thửa 01,TBĐ06)	68
1.2	Đoạn giáp xã Tân Văn tới thôn Phúc Hưng (thửa 01,TBĐ57)	90
1.3	Đoạn giáp TL 725 tới Đài truyền hình (Thửa 14, TBĐ 57)	96

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
1.4	Đoạn từ Đài truyền hình (hết thửa 14,TBĐ 57) tới hết thôn Phúc Hưng (thửa 19,TBĐ 18)	80
1.5	Đoạn từ TL725 tới hết thôn Phúc Thọ I (thửa 34,TBĐ09)	140
1.6	Đoạn từ TL725 vào 300 m - đất ông Trí(thửa 227,TBĐ02)	168
1.7	Đoạn từ 300 m (hết thửa 227,TBĐ 02) tới đường xóm 2	69
1.8	Đoạn đối diện phân viện Y tế vào 500 m (từ thửa 469 đến thửa 186,TBĐ09)	281
1.9	Đoạn từ cây xăng ông Bạ tới đỉnh dốc (từ thửa 189 đến hết thửa 168, TBĐ 02)	666
-	Đoạn từ đỉnh dốc giáp đường đi xã Phúc Thọ (thửa 107,TBĐ03)	500
1.10	Đoạn từ đỉnh dốc tới hết nhà ông Nhâm	828
1.11	Đoạn từ ngã tư Tân Hà tới cổng thôn Thạnh Thất I (từ thửa 313 đến hết 454, TBĐ 04)	882
1.12	Đoạn từ Phân Viện Y tế đến trường Mầm Non Tân Hà	180
1.13	Đoan từ TL 725 đến cổng trường THPT Tân Hà	200
2	**Các đường thôn Phúc Hưng**	
2.1	Đoạn từ TL725 vào 500 m (từ thửa 468 đến hết thửa 253, TBĐ09)	135
2.2	Đoạn từ 500m đến hết thôn Phúc Hưng	68
3	**Đường thôn Phúc Thọ I**	
-	Đoạn từ giáp thôn Liên Trung tới phân trường Tiểu học Tân Hà 2 (từ thửa 105 đến hết thửa 409)	67
4	**Đường thôn Tân Trung**	
4.1	Đoạn từ TL 725 tới chùa Hà Lâm	538
4.2	Đoạn từ TL275 (nhà ông Đức-thửa 400, TBĐ04) vào 200m (thửa 149,TBĐ10)	270
4.3	Đoạn từ TL 725(thửa 87,TBĐ25) tới ngã tư (thửa 61, TBĐ25)	135
4.4	Đoạn từ Ngã tư thôn Tân Trung và thôn Tân Đức (thửa 30,60, TBĐ 25) tới đường đi xã Hoài Đức (thửa 331,46,TBĐ 04)	166
4.5	Đường từ cổng Văn hóa thôn Thạch thất 1 đến chợ Tân Hà	180
5	**Đường thôn Thạch Thất I**	
5.1	Đoạn từ cổng văn hóa thôn Liên Trung tới giáp thôn Thạch Tân	67
5.2	Đoạn từ nhà ông Đức vào 200 m đến giáp thôn Thạch Tân	66
5.3	Đoạn từ nhà ông Thành đến đường thôn Thạch Thất I (nhà ông Đĩnh) (thửa 391, TBĐ 10 đến thửa 288, TBĐ 09)	40
6	**Đường thôn Tân Đức**	
6.1	Đoạn từ đường đi Hoài Đức đến 300 m (hết nhà ông Lân)- từ thửa 185,TBĐ 05 đến hết thửa192,TBĐ25 và thửa 424, TBĐ 04	497
6.2	Đoaạn từ hết thửa 137 (TBĐ 05) vào 200m	173
6.3	Đoạn từ cổng văn hóa thôn Tân Đức (thửa 58,TBĐ28) vào 200 m tới giáp thôn Phúc Thọ 2(thửa 35,TBĐ28)	168
7	**Đương thôn Đan Phượng I**	
7.1	Đoạn từ TL 725 (thửa 360,TBĐ 25) tới đất ông Thông (thửa 575,TBĐ 24)	199
-	Đoạn từ hết đất ông Thông (hết thửa 575) đến đường đi xã Đan Phượng	69

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
7.2	Đoạn từ TL 725 đến bãi đã thôn Phúc Thọ II (từ thửa 309 đến thửa 01, TBĐ 24)	67
*	**Khu vực 3:**	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	50
-	Còn lại	40
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	39
-	Còn lại	28
III	**XÃ HOÀI ĐỨC**	
*	**Khu vực 1**	
1	**Đường Tân Hà- Tân Thanh**	
-	Từ ngã ba Nhà thờ vào 200 m	882
-	Từ 200 m đến hết cổng nghĩa địa	551
-	Từ hết cổng nghĩa địa đến đầu đập (gần UBND xã)	331
-	Từ đầu đập đến ngã ba thôn 5 (nhà ông Công)	386
-	Từ ngã ba thôn 5 đến giáp xã Tân Thanh	221
2	**Đường TL 725**	
-	Từ giáp xã Tân Hà đến hết ngã 3 Nhà Thờ (hết các thửa 135, 95, 96, TBĐ 08)	1.386
-	Từ ngã ba Nhà thờ (hết thửa 115) tới cột điện trung thế số 286/128/10	604
-	Từ cột điện trung thế 286/128/10 tới cột điện trung thế số 286/128/51	384
-	Từ cột điện trung thế 286/128/51 tới ngã ba Trần Quốc Toản	491
*	**Khu vực 2**	
1	**Các đường liên thôn**	
1.1	Từ ngã ba Trần Quốc Toản đến ngã ba nghĩa địa thôn 4	132
-	Từ ngã ba nghia địa thôn 4 đến đất nhà ông Khoa (thôn Đức Hải)	53
-	Từ nhà ông Khoa đến hết đất nhà ông Quảng (thôn Đức Hải)	53
1.2	Từ ngã ba thôn Hải Hà đến đập Đa Sa	53
1.3	Từ ngã tư cổng UBND xã đến ngã tư cổng trường tiểu học Hoài Đức 1	66
1.4	Từ ngã tư cổng trường tiểu học Hoài Đức 1 đến đường liên xã (nhà cô Thu)	92
1.5	Từ ngã ba thôn Vinh Quang(nhà ông Chí) đến ngã ba Chùa Vạn Thiện	265
1.6	Từ ngã ba thôn 6 (nhà ông Tùng) đến ngã ba giáp đất ông Chạy	66
1.7	Ngã ba Đồi dầu đến nhà ông Hòa	66
*	**Khu vực 3:**	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	49
-	Còn lại	40
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	39
-	Còn lại	28

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
IV	**XÃ TÂN THANH**	
*	**Khu vực 1**	
	Đường Tân Hà-Tân Thanh	
-	Từ giáp xã Hoài Đức đến ngã ba thôn Đông Thanh (thửa 116, TBĐ 21)	166
-	Từ ngã ba Đông Thanh đến đất ông Quế (thửa 116, TBĐ 21)	200
-	Từ đất ông Quế đến cầu UBND xã cũ	260
-	Từ Cầu UBND xã cũ đến chân dốc vắt (thửa 103,TBĐ 31)	220
-	Từ chân dốc vắt đến đỉnh dốc vắt (thửa 27,TBĐ 36)	120
*	**Khu vực 2**	
	Đường liên thôn	
1	Thôn Tân An đi thôn Thanh Hà	66
2	Thôn Thanh Hà đi thôn Tân Bình	100
3	Thôn Tân An đi thôn Thanh Bình	66
4	Thôn Tân An đi thôn Đoàn Kết	66
5	Thôn Hòa Bình đi thôn Tân An	100
6	Thôn Hòa Bình đi thác Bụi	100
7	Thôn Com Pang đến ngã ba Long Lan	66
8	Từ ngã ba Long Lan đến ngã ba nhà ông Lô	150
9	Thôn Tân Bình đi thôn Tân Hợp	100
10	Từ thôn Thanh Bình (thửa 60,TBĐ 08) đến giáp xã Hoài Đức	66
11	Từ thôn Thanh Hà (ngã ba ông Hòa -thửa 83, TBĐ 15) đi thôn Bằng Son(hết thửa 11 TBĐ 02)	66
11	Từ thôn Thanh Hà (thửa số 10,TBĐ 15) đi thôn Thanh Bình (hết thửa 162,TBĐ9)	66
*	**Khu vực 3:**	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	39
-	Còn lại	28
V	**XÃ LIÊN HÀ**	
*	**Khu vực 1**	
1	**Đường TL 725 (cũ)**	
-	Từ giáp xã Tân Hà tới cột 3 thân 500 KV	92
-	Từ cột 3 thân 500KV đến hồ	140
-	Từ Hồ tới trường CII	90
2	**Đường TL 725 (mới)**	
-	Từ giáp xã Tân Hà tới ngã ba thôn Phúc Thọ	160
-	Từ ngã ba thôn Phúc Thọ đến cổng trường C2	119
-	Từ cổng trường C2 đến cổng trường Lán Tranh II	180
-	Từ cổng trường Lán Tranh II đến ngã ba ông Nhâm	132
-	Từ ngã ba ông Nhâm đến đỉnh dốc suối Lạnh	106
*	**Khu vực 2**	
1	**Đường từ ngã ba Trần Quốc Toản đi đập Đa Sa**	
-	Từ ngã ba Trần Quốc Toản đến hết trường Trần Quốc Toản	132

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Từ hết trường Trần Quốc Toản đến đối diện phân trường Hoài Đức	70
-	Từ đối diện phân trường Hoài Đức đến ngã ba ông Sánh	80
-	Đoạn còn lại	66
2	**Đường từ ngã ba Xương cá đi thôn Chiến Thắng**	
-	Từ ngã ba Xương cá vào 300 m (thửa 32, 337, TBĐ 50)	140
-	Từ 300 m (thửa 32,337, TBĐ 56) đến thôn Chiến thắng	80
-	Đoan còn lại	66
3	**Khu vực 3:**	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	45
-	Còn lại	30
VI	**XÃ PHÚC THỌ**	
*	**Khu vực 1**	
1	**Đường Tân Hà - Phúc Thọ**	
-	Từ giáp xã Tân Hà đến ngã ba Dược Liệu (thửa 542, TBĐ 33)	132
-	Từ ngã ba Dược Liệu đến bờ đập	159
-	Từ bờ đập đến ngã ba đi Hoài Đức (thửa 439, TBĐ 27)	265
-	Từ ngã ba đi Hoài Đức đến ngã ba Nông trường I (thửa 187,TBĐ 59)	198
-	Từ ngã ba Nông trường I đến nhà ông Đắc (thửa 54, TBĐ 55)	132
-	Từ nhà ông Đắc (hết thửa 54) đến nhà ông Sơn (thửa 409, TBĐ 130	110
-	Từ nhà ông Sơn (hết thửa 409) đến ngã ba Lâm Bô	166
2	**Đường Tân Văn - Phúc Thọ**	
-	Từ giáp xã Tân Văn tới ngã ba Dược Liệu	119
*	**Khu vực 2**	
	Các đường liên thôn	
1	Từ ngã ba Nông trường I đến thủy điện Sardeung	105
2	Từ ngã ba bà Tắc đến thôn Đạ Pe	66
3	Từ Ngã ba đi Hoài Đức đến giáp xã Hoài Đức	66
*	**Khu vực 3:**	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	49
-	Còn lại	40
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	39
-	Còn lại	28
VII	**XÃ ĐAN PHƯỢNG**	
*	**Khu vực 1**	
-	Từ giáp xã Tân Hà đến hết trường THCS	200
-	Từ hết trường THCS đến nghĩa địa thôn Phượng Lâm	200
-	Từ giáp xã Tân Hà đến hết trường Mẫu Giáo thôn Đoàn Kết	140
-	Từ trường Mẫu giáo thôn Đoàn Kết đến ngã ba trường tiểu học Đan phượng II	156
-	Từ nghĩa địa thôn Phượng Lâm đến hết đường	132
	Từ ngã ba trường Tiểu học Đan Phượng II đến hết đường	132

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	Từ ngã ba nghia địa thôn Phượng Lâm đến hết ngã ba nhà Thành Sính	132
*	**Khu vực II**	
-	Các đường liên thôn có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	100
*	**Khu vực 3:**	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	62
-	Còn lại	50
VIII	**XÃ GIA LÂM**	
*	**Khu vực 1**	
1	**Đường TL 725**	
-	Từ TT Nam Ban đến ngã ba đi thôn 5	800
-	Từ ngã ba đi thôn 5 đến cổng văn hóa thôn 4	500
-	Từ cổng văn hóa thôn 4 đến trường Mẫu giáo	500
-	Từ trường Mẫu giáo đến cổng văn hóa thôn 3	300
-	Từ cổng văn hóa thôn 3 đến cầu suối cạn	250
-	Từ cầu suối cạn đến đỉnh dốc đá thôn 1	180
-	Từ đỉnh dốc đá thôn 1 đến hồ thôn 1	150
-	Từ hồ thôn 1 đến giáp Đức trọng	100
2	**Đường đi xã Đông Thanh**	
-	Từ giáp TL725 đến cổng văn hóa thôn 5	200
-	Từ cổng văn hóa thôn 5 đến cổng văn hóa thôn 6	150
-	Từ cổng văn hóa thôn 6 đến giáp xã Đông Thanh	121
*	**Khu vực 2**	
1	**Khu vực chợ Gia Lâm**	
1.1	Từ trạm Thuế đến đất ông Truyền (thửa 154, TBĐ 11)	200
1.2	Từ đất ông Đình (thửa 31, TBĐ 11) đến đất ông Hiến (thửa 27,TBĐ 17)	150
-	Từ hết đất ông Hiến (hết thửa 27) đến đất bà Đoan (Thửa 52, TBĐ 11)	150
-	Từ đất bà Đoan (hết thửa 52) đến ngã tư ông Quý (thửa 39, TBĐ 11)	250
-	Từ ngã tư ông Quý đến trại tằm tơ An Tuyên	150
1.3	Từ ngã tư ông Phà (thửa 49, TBĐ 11) đến đất ông Truyền (thửa 71,TBĐ 11)	100
1.4	Ngã ba đi kho xăng KA2 đến ngã ba ông Vượng (thửa 323, TBĐ 02)	100
2	**Các đường liên thôn 3, thôn 4 - Gan Thi**	
2.1	Từ ngã tư ông Quỳ (thửa 276,TBĐ04) đến ngã tư ông Toản (thửa 321, TBĐ 03)	100
2.2	Từ nga tư đi thôn 5 đến phân trường thôn 5	100
2.3	Từ trường THCS Gia Lâm (thửa 48 TBĐ03) đến ngã ba bà Sở (thửa 460,TBĐ 03)	70
2.4	Từ cổng văn hóa thôn 4 đến đất ông Vị (thửa 181, TBĐ 04)	70
2.5	Từ giáp phân trường thôn 5, đến ngã ba ông Ảnh (thửa 20, TBĐ06)	70
2.6	Từ giáp cổng văn hóa thôn 5 đến cầu thôn 5	70
2.7	Từ ngã ba ông Thảo (thửa 206, TBĐ 06) đến cầu thôn 6	70
*	**Khu vực 3:**	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	60

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Còn lại	50
IX	**XÃ MÊ LINH**	
*	**Khu vực 1**	
	Đường TL 725	
-	Từ TT Nam Ban đến ngã ba vào xóm trại gà (thôn 2)	92
-	Từ ngã ba vào xóm trại gà (thôn 2) đến trường tiểu học Mê Linh	132
-	Từ trường Tiểu học Mê Linh đến ngã ba đi bãi đá thôn 3	198
-	Từ ngã ba đi bãi đá thôn 3 đến ngã ba đi đồi Tùng	172
-	Từ ngã ba đi đồi Tùng đến cầu Cam Ly	212
*	**Khu vực 2**	
1	Từ ngã ba Từ Liêm đến nhà ông Sơn Quyền (thửa số 41, TBĐ11)	132
-	Từ nhà ông Sơn Quyền (hết thửa 41) đến hết thôn 8 (giáp xã Nam Hà)	78
2	Từ Ngã ba đi đồi Tùng đến thôn Hang Hớt, Buôn Chuối	92
3	Đường Thôn 2 đi thôn 3	
4	Từ nhà ông Liên (thửa 350, TBĐ 02) đến nhà ông Trần Ao (thửa 187, TBĐ 05)	88
*	**Khu vực 3:**	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	49
-	Còn lại	40
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	39
-	Còn lại	28
X	**XÃ NAM HÀ**	
*	**Khu vực 1**	
1	**Đường Nam Ban - Phi Tô**	
-	Từ giáp TT Nam Ban đến ngã ba đi thôn Hoàn Kiếm I	89
-	Từ ngã ba đi thôn Hoàn Kiếm I đến ngã ba Hoàn kiếm II	111
-	Từ ngã ba Hoàn Kiếm II đến ngã ba đối diện trụ sở UBND xã	134
-	Từ ngã ba đối diện trụ sở UBND xã đến bưu điện văn hóa xã	169
-	Từ Bưu điện văn hóa xã đến cổng trường Cấp I Nam Hà	112
-	Đoạn còn lại	89
2	**Đường Nam Hà - Đinh Văn**	
-	Từ ngã ba bà Tốn (thửa 80, TBĐ 17) đến hết đất ông Bình (thửa 30, TBĐ 17)	112
-	Từ đất ông Bình (hết thửa 30) đến giáp TT Đinh Văn	89
-	Khu vực 2	
-	Từ ngã ba Hoàn Kiếm 2, 3 đến hết thửa 123, 12, TBĐ 27	89
-	Đường liên thôn Hoàn Kiếm 2 (từ thửa 118,TBĐ 21 đến hết thửa 47, TBĐ 23)	79
-	Từ thửa 136, TBĐ 27 đến thửa 186, TBĐ 27	90
-	Từ hết thửa 186, TBĐ 27 đến thửa 02, TBĐ 24	80
-	Đường thôn Hai Bà Trưng	80

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Đường thôn Hoàn Kiếm I-Sóc Sơn (thửa 124, TBĐ 16 đến hết thửa 47, TBĐ 17)	80
-	Đường từ ngã ba ông Thành đến ngã ba ông Ngơi (Thửa 24, TBĐ 23 đến thửa 02, TBĐ 24)	78
*	**Khu vực 3:**	
1	Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	55
-	Còn lại	45
2	Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	42
-	Còn lại	35
XI	**XÃ ĐÔNG THANH**	
*	**Khu vực 1**	
1	**Đường Gia Lâm - Đông Thanh**	
-	Từ giáp xã Gia Lâm đến ngã ba Thanh Trì	152
-	Từ ngã ba Thanh Trì đến ngã Tư Tầm Xá	220
-	Từ ngã tư Tầm Xá đến cầu sắt Tiền Lâm	140
-	Từ cầu sắt Tiền Lâm đến giáp TT Nam Ban	210
*	**Khu vực 2**	
1	**Đường Trung Hà-Đông Hà**	
-	Từ giáp đường liên xã đến hội trường thôn Đông Anh	80
2	**Đường thôn Tầm Xá**	
-	Từ ngã tư Tầm Xá đến ngã tư ông Hải (thửa 226, TBĐ 04)	85
-	Từ ngã tư ông Hải đến ngã ba Bốt điện Tầm Xá	75
-	Từ Bốt điện Tầm Xá đến ngã ba ông Chiến (giáp đường liên xã)	70
3	Từ ngã ba Thanh Trì đến ngã tư ông Luyến (thửa 156, TBĐ 07)	80
4	Từ Ngã tư bốt điện Thanh Trì đến ngã ba bà Hưu (thửa 369, TBĐ 09)	70
5	Từ cổng văn hóa thôn Thanh Hà đến cầu treo đi Nam Ban	70
6	Từ ngã ba giáp Gia Lâm và Thanh Trì đến ngã ba ông Tĩnh (thửa 101, TBĐ 08)	90
7	Từ ngã ba ông Mùi đến ngã ba ông Năm	80
8	Từ ngã ba ông Quảng Bình đến ngã ba ông Bình tuyết	70
9	Từ ngã ba Tầm Xá đến ngã ba ông Kiên	70
10	Từ ngã ba Tổng đội đến giáp Nam Ban (dốc bà mão)	75
*	**Khu vực 3:**	
1	Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	55
-	Còn lại	45
2	Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	42
-	Còn lại	35

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
XII	**XÃ PHI TÔ**	
*	**Khu vực 1**	
	Đường Nam Ban- Phi Tô	
-	Từ giáp Đạ Đờn đến cầu suối cạn	75
-	Từ cầu suối cạn đến cống giữa thôn 1 và thôn 2	120
-	Từ cống giữa thôn 1 và thôn 2 đến ngã ba đồi sim	180
-	Từ ngã ba đồi sim đến cầu thôn 4	120
-	Từ cầu thôn 4 đến giáp xã Nam Hà	75
*	**Khu vực 2**	
1	Đường cấp phối thôn 5 (từ thửa 579 đến thửa 53, TBĐ 04)	70
2	Đường thôn 1,2,6 từ thửa 222, TBĐ 02 đến thửa 561, TBĐ 03	70
3	Đường thôn 3 từ thửa 71 đến thửa 15và 38, TBĐ 07	70
-	Phần đường cấp phối còn lại của 03 đường trên	70
4	Đường thôn 2, Từ thửa 701, 242 đến thửa 251, TBĐ 04	70
*	**Khu vực 3:**	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	45
-	Còn lại	35
XIII	**XÃ ĐẠ ĐỜN**	
*	**Khu vực 1**	
1	**Quốc lộ 27**	
-	Từ giáp Đinh Văn đến giáp lò gạch ông Vân (hết thửa 765và 661,TBĐ35)	1.200
-	Từ lò gạch ông Vân (thửa 1920 và 658 TBĐ35) đến hết đất Xí nghiệp cầu tre (hết thửa 290 và 111, TBĐ 35)	1.150
-	Từ hết đất Xí nghiệp cầu tre đến cầu Đam Pao	650
-	Từ cầu Đam Pao đến cống thủy lợi qua đường- Trụ sở UBND xã	410
-	Từ cống thủy lợi - trụ sở UBND xã đến cống An Phước	380
-	Từ cống An Phước đến cống đầu thôn Tân Tiến (thửa 480, TBĐ 17)	320
-	Từ cống đầu thôn Tân Tiến đến cống hộp thủy lợi	380
-	Từ cống hộp thủy lợi đến ngã ba RLơm	500
-	Từ ngã ba RLơm đến cầu Đạ Đờn	340
2	**Đường Đạ Đờn - Phi Tô**	
-	Từ ngã ba RLơm đến chân dốc RLơm (thửa 112, TBĐ 11)	410
-	Từ chân dốc RLơm (hết thửa 112) đến nhà ông Lộc (thửa 19, TBĐ 05)	230
-	Từ nhà ông Lộc (hết thửa 19) đến nhà ông Lai (thửa 176, TBĐ 05)	145
-	Từ nhà ông Lai (hết thửa 176) đến chân dốc giáp xã Phi Tô	115
*	**Khu vực 2**	
1	Từ QL 27 đi xóm Bến Tre	70
2	Từ Chùa An Phước đi xóm Đaknàng	85
3	Từ cổng thôn Tân Lâm đến cống thủy lợi (đường vào trường DTNT)	150
4	Từ QL 27 đi thôn 2 Đa Nung A	135
5	Từ QL 27 đi thôn Đam Pao	145
6	Từ dốc Phi Tô đi thôn Đạ Ty	125

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
7	Từ QL 27 đến hết trường Mẫu Giáo (thửa 601, TBĐ27)	115
8	Từ QL 27 đến hết nhà ông Dũng (thửa 625, TBĐ 35)	115
9	Từ nhà Minh Định đến nhà ông Ứng (thửa 531, TBĐ12)	100
10	Từ QL 27 đến nghĩa địa thôn Tân Lâm	120
11	Từ Mương thủy lợi đến sân bóng thôn Yên Thành	100
12	Từ sân bóng thôn Yên Thành đến hết khu dân cư	80
13	Từ sau nhà ông Thắng đến hết đất trại giống	161
*	**Khu vực 3:**	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	50
-	Còn lại	40
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	39
-	Còn lại	30
XIV	**XÃ PHÚ SƠN**	
*	**Khu vực 1**	
	Quốc lộ 27	
-	Từ cầu Đạ Đờn đến bưu điện Phú Sơn	358
-	Từ bưu điện Phú Sơn đến ngã ba vào trường Cấp I Phú Sơn	500
-	Từ ngaã ba vào trường cấp I đến xưởng chè Gái Ngộ (thửa 45, TBĐ24)	198
-	Từ xưởng chè Gái Ngộ đến ngã ba vào Rteng	364
-	Từ ngã ba Rteng đến nghĩa địa Lạc Sơn	162
-	Từ Nghĩa địa Lạc Sơn đến địa phận Đam Rông	106
*	**Khu vực 2**	
1	Đường Núi đôi đi thôn Quyết Thắng	150
2	Từ QL27 đến cầu Rteng	66
3	Từ cầu Rteng đến hết thôn Rteng 1, 2	92
4	Đường từ Bưu điện đến công ty Trần Vũ	100
5	Đường từ chợ Ngọc Sơn vào thôn Ngọc Sơn 1	147
6	Từ QL27 vào xưởng che Ngọc Phú	92
7	Từ cổng nhà bà Nho đến xóm xình thôn Ngọc Sơn 3	117
*	**Khu vực 3:**	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	49
-	Còn lại	40
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	39
-	Còn lại	28

III. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP (không phải là đất ở):

Thực hiện theo Quy định tại Điều 10 và Điều 11, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về ban hành quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

IV. ĐẤT NÔNG NGHIỆP.

1. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản:

Được xác định theo 3 khu vực và 3 vị trí như sau:

- Khu vực I: Gồm các thị trấn.
- Khu vực II: Là các xã không thuộc danh mục đặc biệt khó khăn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Khu vực III: Là các xã đặc biệt khó khăn (bao gồm cả các thôn đặc biệt khó khăn) đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Vị trí 1: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi đến 500 mét.
- Vị trí 2: là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi từ trên 500 mét đến 1000 mét.
- Vị trí 3: Các vị trí còn lại.

Khoảng cách để xác định vị trí thửa đất (lô đất) được xác định theo đường đi, lối đi vào đến thửa đất (lô đất).

a) Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

Số TT	Khu vực	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực I	25	20	13
2	Khu vực II	20	16	10
3	Khu vực III	13	10	6

b) Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

Số TT	Khu vực	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực I	32	26	16
2	Khu vực II	26	20	13
3	Khu vực III	16	13	8

2. Giá đất nông nghiệp trong các trường hợp sau đây được nhân hệ số 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm của vị trí 1 cùng khu vực:

- Đất vườn, ao cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc địa bàn các xã.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

3. Giá đất nông nghiệp trong các trường hợp sau đây được nhân hệ số 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm của vị trí 1 cùng khu vực:

- Đất vườn, ao cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc địa bàn thị trấn.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

4. Đất rừng sản xuất:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

Số TT	Vị trí	Đơn giá
1	Vị trí 1: Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ.	11
2	Vị trí 2: Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã.	9
3	Vị trí 3: Là những diện tích đất còn lại.	6

5. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng cảnh quan:

a) Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: tính bằng 90% giá đất rừng sản suất cùng vị trí, cùng khu vực.

b) Đất rừng cảnh quan: tính bằng 110% giá đất sản xuất cùng vị trí, cùng khu vực.

6. Giá đất đối với các loại đất nông nghiệp khác theo quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP:

Đất nông nghiệp khác là đất tại nông thôn sử dụng để xây dựng: Nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép, xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, thủy sản, xây dựng cơ sở ươm tạo cây giống, con giống; xây dựng kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp. Giá đất được xác định theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm cùng vị trí, cùng khu vực.

Trường hợp đất nông nghiệp khác nêu trên nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn, hoặc trước khi chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác thì diện tích này được xác định là đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở, thì giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực.

V. ĐỐI VỚI NHÓM ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG:

1. Đối với các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng (bao gồm: Đất chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây): Căn cứ vào giá các loại đất liền kề, có cùng vị trí, cùng khu vực đã được xác định mục đích sử dụng và thực tế của thửa đất (lô đất) để xác định giá cho phù hợp.

2. Đối với đất chưa sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng: Đối với đất chưa sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng, thì căn cứ vào giá đất cùng loại, cùng mục đích sử dụng để xác định giá./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Tiến